TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **100**/2018/DS-ST
Ngày 27/11/2018
V/v "Tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Vũ Văn Đức
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lập Tiến và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 27/11/2018, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2018/TLST-DS ngày 19/6/2018 về việc *" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2018/QĐXXST-DS ngày 13/11/2018, giữa các đương sự :

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - *(Có mặt).*

**** Bị đơn***: Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số X, hẻm Y, đường Nguyễn An N, TP. B, tỉnh Đắk Lắk - *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị B trình bày:***

Tôi (B) và bà Trần Thị Ph có quen biết nhau. Từ ngày 07/8/2013 đến ngày 25/8/2015 bà Ph có vay của tôi nhiều lần với tổng số tiền 150.000.000đ, hẹn đến ngày 16/9/2016 trả nợ. Sau nhiều lần yêu cầu thì bà Ph có trả nợ cho tôi số tiền 30.000.000đ và bà Ph tự nguyện viết lại, ký giấy vay, nhận nợ ngày 08/6/2017 trong đó xác định bà Ph còn nợ tôi số tiền 120.000.000đ, hẹn đến ngày 20/12/2017 trả hết số nợ còn lại. Khi xác nhận nợ các bên không ghi lãi suất, không cầm cố tài sản gì. Tuy nhiên, sau nhiều lần tôi yêu cầu bà Ph vẫn không trả nợ cho tôi.

Nay tôi yêu cầu bà Trần Thị Ph có trách nhiệm trả hết số nợ gốc 120.000.000đ và lãi suất trong quá trình chậm thi hành án.

Đối với phần lãi suất từ trước tới nay tôi không yêu cầu bà Ph trả nhằm tạo điều kiện cho bà Ph trả nợ sớm cho tôi. Đối với ông Th (chồng bà Ph) tôi đã thay đổi nội dung khởi kiện, không yêu cầu ông Th liên quan trong việc trả nợ số nợ nói trên.

**** Bị đơn - bà Trần Thị Ph tại bản tự khai trình bày:***

Tôi (Ph) có quen biết và vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị B. Đến ngày 08/6/2017 tôi còn nợ bà B số tiền 120.000.000đ. Tuy nhiên đến nay do hoàn cảnh khó khăn nên tôi chưa trả được nợ cho bà B và tôi xin bà B cho tôi không trả tiền lãi suất.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung đơn khởi kiện và việc xác nhận của bị đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Bị đơn có nơi cư trú tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình lập, ký giấy vay, nhận nợ ngày 08/6/2017 các bên thỏa thuận hạn trả nợ là đến ngày 20/12/2017. Do đó căn cứ vào Điều 184 Bộ luật dân sự 2015 thì việc khởi kiện của nguyên đơn là trong thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn - bà Ph có đơn xin vắng mặt do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX giải quyết vắng mặt bị đơn - bà Ph theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn - bà Trần Thị Ph có trách nhiệm trả hết số nợ gốc 120.000.000đ và lãi suất trong quá trình chậm thi hành án. Tại bản tự khai bà Ph cũng đã xác nhận có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị B, tính đến ngày 08/6/2017, bà Ph còn nợ bà B số tiền 120.000.000đ, hạn trả nợ là ngày 20/12/2017 nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà Ph chưa trả được nợ cho bà B. HĐXX xét thấy việc bà Ph xác nhận nội dung, số tiền, ngày vay, hạn trả nợ đúng như phía nguyên đơn khởi kiện. Việc ghi giấy xác nhận nợ giữa các bên

là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5]. Về yêu cầu tính lãi suất: Do khi vay, mượn các bên không ghi cụ thể thỏa thuận lãi suất; quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng đã thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Ph trả lãi suất trong quá trình chậm thi hành án. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là tự nguyện và đúng pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[6]. Về án phí:

Nguyên đơn - bà B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng.

Bị đơn - bà Ph phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 120.000.000đ x 5% = 6.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã thay đổi, bổ sung tại phiên tòa của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị B.

Buộc bị đơn - bà Trần Thị Ph phải trả hết số tiền nợ gốc: 120.000.000 *(Một trăm hai mươi triệu)* đồng cho bà Nguyễn Thị B.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn chậm thi hành án.

Về án phí:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị B được nhận lại 3.000.000 *(Ba triệu)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0007438 ngày 15/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn - bà Trần Thị Ph phải nộp 6.000.000 *(Sáu triệu)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND TP.BMT;*
- *Chi cục THADS TP.BMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Văn Đức